

THUẾ TOÀN CẦU TRONG THỜI ĐẠI CHUYỂN ĐỔI: CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC CHO VIỆT NAM

PGS.TS. Nguyễn Thị Thương Huyền* - Ths. Lương Thị Hà Thanh**

Bài viết giới thiệu các xu hướng mới về chính sách thuế toàn cầu trong bối cảnh kinh tế số và xanh hóa nền kinh tế và những thách thức đặt ra cho Việt Nam khi thực hiện cuộc cách mạng về quyền đánh thuế, xanh hóa hệ thống thuế, áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu, thuế đối ứng của Mỹ cũng như các Hiệp định thương mại tự do (FTAs).

• Từ khóa: chính sách thuế toàn cầu, thuế dịch vụ kỹ thuật số, thuế carbon, thuế tối thiểu toàn cầu.

This paper introduces emerging trends in global tax policy in the context of economic digitalization and the green transition. It examines the challenges posed to Vietnam in implementing the fundamental reforms in taxing rights, greening the tax system, adopting the global minimum tax, and navigating US countervailing duties, as well as obligations under Free Trade Agreements (FTAs).

• Key words: global tax policy, digital services tax (DST), carbon tax, global minimum tax (GMT).

Ngày nhận bài: 23/10/2025

Ngày gửi phản biện: 24/10/2025

Ngày duyệt đăng: 30/10/2025

DOI: <https://doi.org/10.71374/jfar.v25.i299.05>

1. Xu hướng mới của chính sách thuế toàn cầu trong bối cảnh kinh tế số và xanh hóa nền kinh tế

1.1. Thay đổi nguyên tắc quyền đánh thuế trong thời đại kinh tế số

Nguyên tắc đánh thuế truyền thống gắn với “sự hiện diện vật chất” của doanh nghiệp tại lãnh thổ quốc gia, theo đó chỉ khi có cơ sở thường trú thì quốc gia đó mới có quyền đánh thuế lợi nhuận. Tuy nhiên, mô hình này trở nên lỗi thời trong thời đại kinh tế số, khi các tập đoàn công nghệ như Google, Meta hay Netflix có thể thu lợi nhuận khổng lồ từ người tiêu dùng tại một thị trường mà không cần sự hiện diện thực tế.

Trước thực tiễn này, Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) đã đề xuất Trụ cột 1 - một cơ chế phân bổ lại quyền đánh thuế, theo đó “quốc gia thị trường” (market jurisdiction) được quyền thu thuế một phần lợi nhuận của các tập đoàn xuyên quốc gia, bất kể sự hiện diện vật lý. Đây được coi là bước ngoặt mang tính “cách mạng” trong cấu trúc thuế quốc tế.

Khi đàm phán quốc tế về cơ chế toàn cầu chưa đạt

được đồng thuận, nhiều quốc gia châu Âu như Pháp, Ý, Anh, Tây Ban Nha đã đơn phương áp dụng Thuế dịch vụ kỹ thuật số (Digital Services Tax - DST), đánh trực tiếp trên doanh thu từ các dịch vụ số như quảng cáo, nền tảng và khai thác dữ liệu người dùng. Tuy giúp bảo đảm nguồn thu, DST lại tiềm ẩn nguy cơ đánh thuế hai lần và gây căng thẳng thương mại, thể hiện rõ sự cấp bách trong việc thiết lập một khung phối hợp thuế quốc tế thống nhất.

1.2. Xu hướng “xanh hóa” hệ thống thuế trong quá trình chuyển đổi năng lượng

Thế kỷ XXI chứng kiến chuyển dịch từ nền kinh tế dựa vào nhiên liệu hóa thạch sang nền kinh tế các-bon thấp. Thuế trở thành công cụ trung tâm để định hướng tiêu dùng và sản xuất bền vững. Ba công cụ chính trong xu hướng “xanh hóa” hệ thống thuế gồm:

(1) Thuế Carbon (Carbon Tax): là hình thức đánh thuế trực tiếp vào lượng phát thải CO₂ hoặc hàm lượng carbon trong nhiên liệu, nhằm buộc doanh nghiệp “nội hóa” chi phí môi trường vào giá thành sản phẩm. Đây là ứng dụng tiêu biểu của thuế Pigou, hướng tới việc điều chỉnh các “ngoại tác tiêu cực” từ ô nhiễm môi trường. Thuế carbon không chỉ tạo nguồn thu ổn định mà còn phát tín hiệu giá rõ ràng thúc đẩy đổi mới công nghệ sạch.

(2) Hệ thống giao dịch phát thải (Emissions Trading System - ETS): tạo lập thị trường carbon, nơi doanh nghiệp được phân bổ hoặc mua bán hạn ngạch phát thải trong giới hạn tổng lượng cho phép. Cơ chế này khuyến khích doanh nghiệp giảm phát thải hiệu quả để bán lại hạn ngạch dư thừa, đồng thời buộc các đơn vị gây ô nhiễm phải trả chi phí cao hơn. Hệ thống EU-ETS hiện là mô hình tiêu biểu, trong khi Trung Quốc đã vận hành thị trường ETS quốc gia từ năm 2021.

(3) Cơ chế điều chỉnh biên giới carbon (Carbon Border Adjustment Mechanism - CBAM): do Liên

* Học viện Tài chính

** Đại học Luật Hà Nội

minh châu Âu khởi xướng nhằm ngăn hiện tượng “rò rỉ carbon” và bảo vệ cạnh tranh công nghiệp nội khối. Theo đó, các nhà nhập khẩu EU phải báo cáo lượng phát thải carbon của hàng hóa thâm dụng năng lượng (thép, xi măng, nhôm, phân bón, điện, hydro). Nếu nước xuất khẩu - chẳng hạn Việt Nam - chưa có cơ chế định giá carbon tương đương, nhà nhập khẩu sẽ phải mua chứng chỉ CBAM với giá phản ánh chi phí carbon của thị trường EU. Điều này đặt ra yêu cầu cấp bách đối với Việt Nam trong việc sớm xây dựng thị trường carbon nội địa và chính sách định giá carbon phù hợp để duy trì lợi thế xuất khẩu.

1.3. Xu hướng ưu đãi thuế và cuộc “đua xuống đáy”

Toàn cầu hóa và cạnh tranh thu hút đầu tư đã dẫn đến hiện tượng “race to the bottom”, khi các quốc gia liên tục hạ thuế suất để hấp dẫn doanh nghiệp, gây xói mòn cơ sở thuế và làm suy giảm nguồn thu ngân sách. Hệ quả là các tập đoàn đa quốc gia (MNEs) lợi dụng chênh lệch thuế để thực hiện chuyển giá, chuyển lợi nhuận (BEPS) ra ngoài khu vực có thuế suất cao.

Trước thực trạng này, OECD cùng Nhóm G20 đã khởi xướng Thuế tối thiểu toàn cầu (Global Minimum Tax - GMT), thiết lập mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiệu dụng tối thiểu 15% đối với các MNEs có doanh thu hợp nhất từ 750 triệu euro trở lên. Nếu một công ty con chịu thuế dưới ngưỡng 15%, quốc gia đặt trụ sở chính sẽ thu phần thuế bổ sung (top-up tax), nhằm triệt tiêu động cơ dịch chuyển lợi nhuận đến các “thiên đường thuế”.

GMT vận hành dựa trên hai quy tắc cốt lõi:

- Quy tắc Tổng hợp Thu nhập (Income Inclusion Rule - IIR): cho phép quốc gia mẹ thu thêm thuế từ lợi nhuận của các công ty con chịu thuế suất thấp ở nước ngoài;
- Quy tắc Lợi nhuận chịu thuế dưới mức tối thiểu (Undertaxed Payments Rule - UTPR): cho phép các quốc gia khác đánh thuế phần lợi nhuận chưa bị áp thuế đủ mức khi quốc gia mẹ không thực thi IIR.

Việc áp dụng GMT được xem là bước ngoặt lịch sử trong nỗ lực toàn cầu nhằm chấm dứt cạnh tranh thuế không lành mạnh, bảo vệ công bằng tài khóa và hướng tới hệ thống thuế quốc tế minh bạch, bền vững hơn.

2. Những thách thức đặt ra cho Việt Nam

2.1. Thách thức từ việc xác lập lại nguyên tắc đánh thuế trong bối cảnh kinh tế số

Kinh tế số đang trở thành động lực chiến lược của tăng trưởng toàn cầu. Việt Nam đã ban hành Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến 2030, song hệ thống chính sách thuế vẫn còn lúng túng trong việc định danh và

quản lý các mô hình kinh doanh mới như thương mại điện tử, KOL/KOC, tài sản ảo, dịch vụ xuyên biên giới. Trường hợp cá nhân ở TP.HCM bị truy thu thuế hơn 4 tỷ đồng từ thu nhập trên Google Play và App Store phản ánh rõ khoảng cách giữa tốc độ phát triển công nghệ và năng lực thích ứng chính sách.

Các tập đoàn công nghệ toàn cầu như Google, Facebook, Amazon, Apple hiện có thể thu lợi nhuận lớn tại Việt Nam mà không cần “cơ sở thường trú”, dẫn đến thất thu thuế TNDN. Trong bối cảnh đó, việc áp dụng Trụ cột 1 của OECD - phân bổ lại quyền đánh thuế theo doanh thu tại “quốc gia thị trường” - là hướng đi cần thiết để bảo đảm công bằng tài khóa. Tuy nhiên, việc xác định doanh thu, lợi nhuận phát sinh tại từng thị trường và tránh đánh thuế trùng lặp là vấn đề phức tạp về kỹ thuật và pháp lý.

Các nghiên cứu quốc tế cho thấy doanh nghiệp kỹ thuật số hiện chỉ chịu mức thuế suất trung bình 9,5%, thấp hơn nhiều so với doanh nghiệp truyền thống (23,2%). Khi các quốc gia đơn phương áp dụng thuế dịch vụ kỹ thuật số (DST), phần lớn gánh nặng lại chuyển sang người tiêu dùng và doanh nghiệp trong nước (chiếm khoảng 95%). Điều này khẳng định nhu cầu cấp thiết phải có một khuôn khổ thuế quốc tế thống nhất, tránh gây méo mó thương mại và đảm bảo công bằng giữa các mô hình kinh doanh.

2.2. Thách thức từ xu hướng “xanh hóa” hệ thống thuế

“Xanh hóa” thuế khóa là xu thế tất yếu trong tiến trình chuyển đổi sang nền kinh tế các-bon thấp. Tuy nhiên, Luật Thuế Bảo vệ Môi trường (BVMT) của Việt Nam hiện vẫn có phạm vi hẹp và mức thu thấp, chưa đủ tác động đến hành vi phát thải. Việc triển khai thuế carbon gặp nhiều trở ngại:

Thứ nhất, nguy cơ “đánh thuế hai lần” nếu không cải cách đồng bộ với Thuế BVMT hiện hành, vốn đã áp dụng nguyên tắc “người gây ô nhiễm trả tiền”.

Thứ hai, Việt Nam chưa có hệ thống giám sát, báo cáo và thẩm tra phát thải (MRV) đầy đủ, khiến việc xác định cơ sở thuế thiếu minh bạch.

Thứ ba, chi phí hành chính và kỹ thuật để vận hành thuế carbon rất lớn, trong khi năng lực thể chế còn hạn chế.

Trước mắt, cần xem xét tích hợp thuế carbon vào khung Thuế BVMT hiện có hoặc xây dựng như một sắc thuế độc lập, triển khai theo lộ trình thử nghiệm, bảo đảm doanh nghiệp có thời gian chuyển đổi công nghệ và duy trì ổn định kinh tế vĩ mô. Việc lựa chọn mô hình định giá carbon (thuế trực tiếp hay hệ thống giao dịch phát thải - ETS) cần căn cứ vào năng lực

quản lý và đặc điểm ngành. Đồng thời, chính sách phải tính đến tác động xã hội, đặc biệt với nhóm yếu thế và các ngành thâm dụng năng lượng.

Cùng với đó, Việt Nam phải nhanh chóng xây dựng cơ chế định giá carbon nội địa để ứng phó với Cơ chế điều chỉnh biên giới carbon (CBAM) của EU, nếu không sẽ mất lợi thế cạnh tranh xuất khẩu và chuyển nguồn thu tiềm năng ra ngoài. Bên cạnh công cụ “cây gậy”, chính sách thuế xanh cũng cần “củ cà rốt” - tức là các ưu đãi thuế cho hoạt động xanh, như miễn giảm thuế TNDN với dự án năng lượng tái tạo, tín dụng thuế cho R&D công nghệ sạch, hay khấu trừ chi phí cho đầu tư tuần hoàn. Thiết kế chính sách hài hòa giữa ràng buộc và khuyến khích là thách thức lớn đối với cơ quan hoạch định chính sách Việt Nam.

2.3. Thách thức từ việc áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu

Việt Nam là điểm đến của FDI từ hơn 140 quốc gia và vùng lãnh thổ. Việc thực thi thuế tối thiểu toàn cầu (Global Minimum Tax - GMT) với mức thuế suất tối thiểu 15% tạo ra cả cơ hội và thách thức. Về mặt tích cực, GMT giúp tăng nguồn thu ngân sách, giảm hiện tượng chuyển giá, trốn thuế, đồng thời tăng tính minh bạch và hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, chính sách này cũng làm suy giảm hiệu quả ưu đãi thuế - công cụ vốn đóng vai trò then chốt trong thu hút đầu tư FDI của Việt Nam nhiều năm qua.

Thách thức lớn nhất là duy trì sức hấp dẫn đầu tư khi ưu đãi thuế mất hiệu lực. Việt Nam cần chuyển từ “ưu đãi thuế suất” sang “ưu đãi phi thuế”, tập trung vào cải thiện hạ tầng, chất lượng lao động, môi trường kinh doanh và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo.

Bên cạnh đó, năng lực quản lý và giám sát thuế cần được nâng cao để xác định chính xác lợi nhuận chịu thuế của các công ty đa quốc gia. Sự chênh lệch trình độ giữa các quốc gia trong khu vực và sự khác biệt trong chính sách thuế dễ tạo ra “kẽ hở” bị lợi dụng, gây thất thu ngân sách. Ngoài ra, khi tập đoàn đa quốc gia chịu thuế cao hơn, họ có xu hướng chuyển gánh nặng chi phí sang các nhà cung cấp trong nước, ảnh hưởng đến doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Trong khi các quốc gia như Thái Lan, Malaysia, Indonesia đã khẩn trương chuẩn bị cho GMT, Việt Nam cần chủ động xây dựng chiến lược ứng phó tổng thể - bao gồm việc thiết lập cơ chế thu bổ sung, điều chỉnh chính sách ưu đãi đầu tư và tăng cường năng lực quản lý thuế quốc tế.

2.4. Thách thức từ chính sách thuế đối ứng của Hoa Kỳ và các hiệp định thương mại tự do (FTA)

Hoa Kỳ hiện là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam. Nếu Mỹ áp dụng thuế đối ứng với hàng hóa

nhập khẩu từ Việt Nam, các doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu trong chuỗi cung ứng (từ nguyên liệu đến logistic) sẽ chịu ảnh hưởng trực tiếp, làm giảm doanh thu, lợi nhuận và số thu thuế TNDN, GTGT vào ngân sách. Việt Nam có thể phải điều chỉnh thuế nhập khẩu với hàng hóa từ Mỹ để cân bằng thương mại, song điều này cũng kéo giảm nguồn thu ngân sách.

Hiện Việt Nam đã ký 16 hiệp định thương mại tự do (FTA), với mức thuế suất ưu đãi đặc biệt bình quân chỉ còn 0,3-8,1%. Hệ quả là tỷ trọng thu từ thuế xuất nhập khẩu trong tổng thu ngân sách giảm mạnh, từ 9,1% năm 2011 xuống còn khoảng 3% vào giai đoạn 2023-2024. Trong khi đó, yêu cầu hội nhập sâu hơn đòi hỏi Việt Nam tiếp tục mở cửa thương mại, khiến nguồn thu từ thuế quan tiếp tục giảm. Do đó, chính sách thuế cần tái cơ cấu theo hướng mở rộng cơ sở thuế nội địa, hiện đại hóa quản lý và chuyển trọng tâm từ thuế xuất nhập khẩu sang thuế tiêu dùng, tài sản và môi trường.

Kết luận

Những biến động sâu sắc trong chính sách thuế toàn cầu - từ cải cách quyền đánh thuế trong kinh tế số, xanh hóa thuế khóa, thuế tối thiểu toàn cầu cho đến các chính sách thuế đối ứng và cam kết FTA - đang đặt Việt Nam trước một cuộc cải cách thuế mang tính lịch sử và toàn diện.

Thách thức này không chỉ là vấn đề kỹ thuật chính sách, mà còn là bài toán chiến lược quốc gia, đòi hỏi tầm nhìn dài hạn, nền tảng lý luận vững chắc và bằng chứng thực nghiệm thuyết phục. Thành công của cải cách thuế Việt Nam trong kỷ nguyên mới sẽ phụ thuộc vào khả năng kết hợp hài hòa giữa hội nhập quốc tế và bảo vệ lợi ích quốc gia, giữa cải cách thể chế và ổn định kinh tế - xã hội, nhằm kiến tạo một hệ thống thuế hiện đại, công bằng, hiệu quả và thích ứng với những chuyển động không ngừng của thời đại số và phát triển xanh.

Tài liệu tham khảo:

- OECD (2022), *Tax Incentives and the Global Minimum Corporate Tax: Reconsidering Tax Incentives after the GloBE Rules*, OECD Publishing, Paris
- OECD (2023), *Tax Challenges Arising from the Digitalisation of the Economy - Administrative Guidance on the Global Anti - Base Erosion Model Rules (Pillar Two)*
- Tanzi, Vito. 2016. “Lakes, Oceans, and Taxes: Why the World Needs a World Tax Authority.” In *Global Tax Fairness*, edited by Thomas Pogge and Krishen Mehta. Oxford Scholarship Online, March 2016.
- Đỗ Nam Thăng, Phân tích so sánh thuế các-bon và thị trường các-bon, Tạp chí Môi trường, số 7/2021
- Nguyễn Nhâm, Thuế dịch vụ kỹ thuật số: Xu hướng, rào cản và giải pháp quốc tế, tạp chí thị trường tài chính tiền tệ, số 10/2021
- Phan Thành Dương, Nguyễn Thị Thu Hiền (2022), Thuế carbon, kinh nghiệm quốc tế và kiến nghị hoàn thiện pháp luật ở Việt Nam, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, Tháng 12/2022
- Nguyễn Văn Phụng (2023), Tác động của thuế tối thiểu toàn cầu đến doanh nghiệp FDI tại Việt Nam, Tạp chí Tài chính, 1(802), 34-37.
- Dương Hoàng Linh (2024), Đánh giá tác động của thuế tối thiểu toàn cầu tới thu hút FDI của Việt Nam và giải pháp ứng phó, Đề tài cấp Bộ - Bộ Tài chính
- Vũ Thị Loan (2023), Xu hướng áp dụng thuế carbon và bài học cho Việt Nam, <https://www.thienmien.net/2023/04/20/xu-huong-ap-dung-thue-carbon-va-bai-hoc-cho-viet-nam/>
- Ministry of the Environment-Government of Japan (2012), *Details on the Carbon Tax (Tax for Climate Change Mitigation)*, <https://www.env.go.jp/content/900453366.pdf>.
- James K. Boyce (2018), Carbon Pricing: Effectiveness and Equity, *Ecological Economics* 150.
- World Bank, <https://www.worldbank.org/ext/en/home>.
- Jess Ralston (2021), Carbon pricing: What, why, how, Energy&Climate Intelligence Unit, <https://eciu.net/analysis/briefings/net-zero/carbon-pricing-what-why-how>